BỘ Y TẾ **BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7042/QĐ-VĐ	*Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp
Gói mua sắm thuốc số 02: Cung cấp thuốc cho hoạt động
Nhà thuốc Bệnh viện năm 2025 - 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH25 ngày 01/07/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06/04/2016;

Căn cứ Luật số 44/2024/QH15 ngày 21/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dược;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/06/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật dược;

Căn cứ Quyết định số 1184/QĐ-BYT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11/4/2024 của Bộ Y tế về việc Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Thuốc và điều trị ngày 29/09/2025;

Căn cứ công văn số 5689/VĐ-NT ngày 09/10/2025 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức về việc đề nghị gửi hồ sơ tham dự cung cấp hàng hóa cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 6506/QĐ-VĐ ngày 12/11/2025 của Giám đốc Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức về việc ban hành hướng dẫn và các biểu mẫu thực hiện mua sắm hàng hóa tại Nhà thuốc Bệnh viện;

Căn cứ Hồ sơ yêu cầu tham dự cung cấp hàng hóa của các Công ty;

Căn cứ Báo cáo đánh giá hồ sơ tham dự cung cấp hàng hóa Gói mua sắm thuốc số 02: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2025 -2026 ngày 25 tháng 11 năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Công nghệ Bệnh viện ngày 26/11/2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật, nguồn vốn, giá dự toán, hình thức mua sắm Gói mua sắm thuốc số 02: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2025 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 6897 /QĐ-VĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật, nguồn vốn, giá dự toán, hình thức mua sắm Gói mua sắm thuốc số 02: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2025 – 2026;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng giữa Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức và các Công ty.

Căn cứ Tờ trình ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Gói mua sắm thuốc số 02: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2025 – 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Nhà thuốc và Trưởng phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp của gói mua sắm thuốc số 02: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2025-2026, bao gồm:

1. Thông tin về gói mua sắm

- Tên gói mua sắm: Gói mua sắm thuốc số 02: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2025 – 2026.
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức.

Giá dự toán: 163.101.688.850 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi ba tỷ, một trăm linh một triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

- Hình thức mua sắm đối với thuốc nằm trong danh mục đã trúng thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi tại các cơ sở y tế khác, trúng thầu mua sắm tập trung cấp quốc gia, cấp địa phương, lựa chọn đơn vị cung cấp là đơn vị có giá chào thấp nhất, giá đó không cao hơn dải giá trong vòng 12 của các đơn vị đã trúng thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi trên trang mua sắm công làm cơ sở lựa chọn đơn vị cung cấp.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói mua sắm: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. ***Thông tin về nhà cung cấp đạt yêu cầu đề nghị cung ứng***

STT	Tên công ty	Số khoản	Giá đề nghị cung cấp
1	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VÀ DƯỢC PHẨM HOÀNG THỊNH	02	6.293.037.500
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LÊ LỢI	01	50.000.000
3	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VIỆT LÂM	04	3.051.912.000
4	CÔNG TY CỔ PHẦN TM-XNK GALAXY VIỆT NAM	01	139.965.000
5	CÔNG TY TNHH P&T	02	842.000.000
6	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DƯỢC PHẨM OMEGA	01	420.000.000
7	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DELAP	01	1.755.000.000
8	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ SD VIỆT NAM	01	7.476.000.000
9	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT NGA	01	3.139.000.000
10	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC TÂY DƯƠNG	03	1.300.000.000
11	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM GREEN VIỆT NAM	01	2.340.000.000
12	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIM TINH	01	700.000.000
13	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG NGỌC	01	40.500.000
14	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIÊN ANH	01	174.500.000
15	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ Y TẾ HOÀNG NGUYÊN	01	2.465.000.000
16	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DNT VIỆT NAM	06	3.031.275.000
17	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIẾU ANH	02	6.786.000.000
18	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THĂNG LONG	01	525.000.000
19	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DH VIỆT NAM	01	1.435.000.000

STT	Tên công ty	Số khoản	Giá đề nghị cung cấp
20	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RIGHMED	01	9.292.125.000
21	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ Y TẾ HALIPHAR	01	36.000.000
22	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDB VIỆT NAM	01	1.548.800.000
23	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Y TẾ HÀ NỘI	03	201.300.000
24	CÔNG TY TNHH MATRIX VIỆT NAM	01	364.500.000
25	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	16	14.575.697.450
26	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯƠC PHẨM GIA LINH	01	108.500.000
27	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ST. ANDREWS VIỆT NAM	06	9.889.075.000
28	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	01	3.534.000
29	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	01	84.000.000
30	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BẢO NGÂN	05	19.100.700.000
31	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM &THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC LỘC	01	5.104.000.000
32	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	03	1.440.955.000
33	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI LIGHTPHARMA	01	284.760.000
34	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA	01	8.047.500.000
35	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN MINH	01	660.000.000
36	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	01	146.850.000
37	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NTB PHARMA NEW	02	4.040.000.000
38	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HQ	02	2.606.500.000
39	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DƯỢC PHẨM QUANG ANH	01	685.750.000
40	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	03	156.640.000
41	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE	04	1.139.377.500

STT	Tên công ty	Số khoản	Giá đề nghị cung cấp
42	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LIVIAT	01	39.837.500
43	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRÍ DŨNG	01	3.100.000
44	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM QUANG CƯỜNG	02	623.000.000
45	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ BẮC NAM	02	5.324.000.000
46	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THPHARMA	05	2.952.000.000
47	CÔNG TY TNHH EVD DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	01	133.875.000
48	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	01	42.840.000
49	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	05	779.718.000
50	CÔNG TY CỔ PHẦN FULINK VIỆT NAM	01	1.562.400.000
51	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÚ THỌ	01	232.800.000
52	CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM	04	537.500.000
53	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIÊN AN	02	1.473.500.000
54	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÀ NỘI	01	495.000.000
55	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG GIANG	01	385.875.000
56	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ NAM ÂU	05	6.612.180.000
57	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	08	3.345.286.000
58	CÔNG TY TNHH KENKO PHARMA	01	15.760.000
59	CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN VỸ AN	08	12.484.690.000
60	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LAVICO	02	2.991.200.000
61	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	08	1.314.686.400
62	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	01	271.687.500
	Tổng số: 62 nhà cung cấp	**150**	**163.101.688.850**

- Tổng giá trị cung ứng: 163.101.688.850 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi ba tỷ, một trăm linh một triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi đồng), bao gồm 62 công ty, cung ứng 150 khoản thuốc.

3. Thông tin nhà cung cấp không đạt yêu cầu đề nghị cung cấp: không có

4. Thông tin danh mục thuốc, nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu đề nghị cung cấp: chi tiết như phụ lục đính kèm.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Giao Nhà thuốc, Phòng Tài chính kế toán căn cứ nội dung được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo quy định tại Quyết định số 6506/QĐ-VĐ ngày 12/11/2025 của Giám đốc Bệnh viện Hữu Nghị Việt đức về việc ban hành hướng dẫn và các biểu mẫu thực hiện mua sắm hàng hóa tại Nhà thuốc Bệnh viện và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nhà thuốc Bệnh viện, Phòng Tài chính kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Dương Đức Hùng

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

PHỤ LỤC : DANH MỤC NHÀ CUNG CẤP

Gói mua sắm thuốc số 02: Cung cấp thuốc cho hoạt động nhà thuốc Bệnh viện năm 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 7042/QĐ-VĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025)

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
		1.CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VÀ DƯỢC PHẨM HOÀNG THỊNH																		
1	96	**Pitamdami**	Piracetam + Vincamin	400mg + 20mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 06 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110460823	Công ty DP và TM Phương Đông (TNHH)	Việt Nam	Viên	15.250	8.150	124.287.500	8.300	QĐ số KQ2400550487_2503061429 Ngày 06/03/2025	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	HĐ số 51-2025/NTBV/HĐ
2	142	**Anba-QE**	Ubidecarenon+ D-alpha tocopheryl acid succinat	100mg + 12,31mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-35621-22	Công ty DP và TM Phương Đông (TNHH)	Việt Nam	Viên	352.500	17.500	6.168.750.000	17.500	QĐ số 79/QĐ-NĐTW Ngày 17/01/2025	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	HĐ số 67/NTBV/2025/ĐTRR/GEN/79/NĐTW
Tổng số: 02 khoản																**6.293.037.500**				
		Sáu tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, không trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng																		
		2.CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LỄ LỢI																		
1	6	**Amifull**	Cao khô Devil's Claw (Extractum Harpagophyti siccum) (tương đương với 1050-1500mg rễ cây Devil's Claw (Harpagophytum procumbens DC. hoặc Harpagophytum zeyheri Decne)')	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	893200128800 (QLĐB-772-19)	Công ty Cổ phần dược phẩm trung ương Mediplantex	Việt Nam	Viên	5.000	10.000	50.000.000	10.000	KQ2400554170_2503061359 ngày 06 /03/2025	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH THANH HÓA	03 - 2025/NTBV/HĐ
Tổng số: 01 khoản																**50.000.000**				
		Năm mươi triệu đồng																		
		3. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VIỆT LÂM																		
1	27	**Calcolife**	Calci lactat pentahydrat	520mg/8ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 8ml	N4	36 tháng	VD-31442-19	Công ty cổ phần 23 tháng 9	Việt Nam	Ống	106.200	7.160	760.392.000	7.160	QĐ số 134/QĐ-BV ngày 21/01/2025	Bệnh viện Đa khoa Hải Dương	Hợp đồng số 37/2025/HĐ/BVĐKTHD-VL ngày 21/01/2025
2	51	**Ecipa 50**	Escin	50mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 5 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	VD-35724-22	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Viên	72.000	7.560	544.320.000	7.800	QĐ số 237/QĐ-BVT ngày 22/01/2025	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hợp đồng số 107/237/NTBV ngày 03/02/2025
3	52	**Ezoleta Tablet**	Ezetimibe	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	60 tháng	VN-22950-21	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	92.000	10.950	1.007.400.000	11.500	QĐ số 237/QĐ-BVT ngày 22/01/2025	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hợp đồng số 107/237/NTBV ngày 03/02/2025

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
4	117	**A.T Silymarin 117mg**	Silymarin (Chiết xuất Cardus marianus)	117mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	N4	24 tháng	VD-32501-19	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	137.000	5.400	739.800.000	5.500	QĐ số 134/QĐ-BV ngày 21/01/2025	Bệnh viện Đa khoa Hải Dương	Hợp đồng số 37/2025/HĐ/BVĐKTHD-VL ngày 21/01/2025
Tổng số: 04 khoản																**3.051.912.000**				
Ba tỷ, năm mươi mốt triệu, chín trăm mười hai ngàn đồng																				
		4.CÔNG TY CỔ PHẦN TM-XNK GALAXY VIỆT NAM																		
1	32	**Pemolip**	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil) 200mg	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	893110087524 (VD-30739-18)	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	Việt Nam	Viên	5.000	27.993	139.965.000	28.000	647/QĐ-BV	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	202/HĐHTNT-BV108
Tổng số: 01 khoản																**139.965.000**				
Một trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng																				
		5.CÔNG TY TNHH P&T																		
1	123	**Migtana 25**	Sumatriptan (dưới dạng Sumatriptan succinat)	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-24266-16 (893110163824)	Công ty cổ phần dược phẩm Savi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	Viên	28.500	12.000	342.000.000	12.000	Số QĐ: 647/QĐ-BV Ngày: 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	262/HĐHTNT-BV108
2	145	**pms - Ursodiol C 500mg**	Ursodiol (Ursodeoxycholic acid)	500mg	Uống	Viên nén	Chai 100 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-18409-14	Pharmascience Inc	Canada	Viên	25.000	20.000	500.000.000	20.000	Số QĐ: 79/QĐ-NĐTW Ngày: 17/01/2025	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	14/NTBV/2025/ĐTRR/GEN/79/NĐTW
Tổng số: 02 khoản																**842.000.000**				
Tám trăm bốn mươi hai triệu đồng																				
		6.CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DƯỢC PHẨM OMEGA																		
1	88	**Gligca 25**	Milnacipran hydroclorid	25mg	uống	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-35269-21	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Chi Nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	viên	50.000	8.400	420.000.000	8.400	2102/QĐ-BVVNTĐ ngày 26/07/2025	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí	81/HĐNT/BVVNTĐ-OMEGA ngày 04/08/2025
Tổng số: 01 khoản																**420.000.000**				
Bốn trăm hai mươi triệu đồng																				
		7.CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DELAP																		
1	4	**Silymax Complex**	Cao khô Carduus marianus + Cao khô Diệp hạ châu (Extractum herbae Phyllanthi urinariae siccum) + Cao khô Ngũ vị tử (Extractum fructus Schisandrae chinensis siccum) + Cao khô Nhân trần (Extractum herbae Adenosmatis caerulei siccum)+ Curcuminoids (chiết xuất từ chiết xuất từ Nghệ, Curcuma longa L.)	140 mg+ 200 mg+ 25 mg+ 50,0mg+ 25 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893210128500	Công ty Cổ phần dược TW Mediplantex	Việt Nam	Viên	292.500	6.000	1.755.000.000	6.000	QĐ trúng thầu số: 5117/QĐ-BVQY103 ngày 27/12/2024	Bệnh viện Quân Y 103	Hợp đồng số: 525/HĐMB/5117/G3TD/122024/BVQY103-DL ngày 03/01/2025
Tổng số: 01 khoản																**1.755.000.000**				
Một tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng																				

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
		8. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ SD VIỆT NAM																		
1	61	**Glupain Forte**	Glucosamin (dưới dạng Glucosamin hydrochlorid)	750mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-19133-15	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd.	Australia	Viên	712.000	10.500	7.476.000.000	10.500	QĐ số 79/QĐ-NĐTW ngày 17/01/2025	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương	21/NTBV/2025/ĐTRR/GEN/79/NĐTW
Tổng số: 01 khoản																**7.476.000.000**				
		Bảy tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng																		
		9. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT NGA																		
1	24	**Calciumzindo**	Calci gluconat + Vitamin D3 (Colecalciferol)	500mg + 200IU	Uống	Viên nang mềm	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Nhóm 4	36 tháng	893100260500 (VD3-159-21)	Công ty TNHH dược phẩm USA – NIC	Việt Nam	Viên	730.000	4.300	3.139.000.000	4.300	248/QĐ-BVPTƯ ngày 24/02/2025	BV Phổi Trung ương	114/QĐ248.GEN/BVPTW-Việt Nga/NTBV ngày 27/02/2025
Tổng số: 01 khoản																**3.139.000.000**				
		Ba tỷ, một trăm ba mươi chín triệu đồng																		
		10. CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC TÂY DƯƠNG																		
1	46	**Fientalf 30mg**	Edoxaban (dưới dạng edoxaban tosylate monohydrate 40,41mg)	30mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36	893110226623	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	15.000	40.000	600.000.000	40.000	248/QĐ-BVPTƯ ngày 24/02/2025	BV Phổi TƯ	98/QDD.GEN/BVPTW-Tây Dương/NTBV
2	47	**Fientalf 60mg**	Edoxaban (dưới dạng edoxaban tosylate monohydrate 80,82mg)	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36	893110226723	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	15.000	43.000	645.000.000	43.000	248/QĐ-BVPTƯ ngày 24/02/2025	BV Phổi TƯ	98/QDD.GEN/BVPTW-Tây Dương/NTBV
3	106	**Ritaxim-550**	Rifaximin	550mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36	893110241224	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Cophavina	Việt Nam	Viên	2.500	22.000	55.000.000	22.000	248/QĐ-BVPTƯ ngày 24/02/2025	BV Phổi TƯ	98/QDD.GEN/BVPTW-Tây Dương/NTBV
Tổng số: 03 khoản																**1.300.000.000**				
		Một tỷ, ba trăm triệu đồng																		
		11. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM GREEN VIỆT NAM																		
1	20	**Nutrohadi F**	Calci + D,L alpha tocopherol acetat + Lysin Hydroclorid + Nicotinamid + Pyridoxin hydroclorid + Phospho + Riboflavin natri phosphat + Thiamin hydroclorid +	(130mg + 15mg + 300mg + 20mg + 6mg + 200mg + 3,5mg + 3mg)/ 15ml x 10ml	Uống	Siro thuốc	Hộp 20 ống x 10ml	Nhóm 4	36 tháng	893100262800 (SĐK cũ: VD-18684-13)	Công ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Ống	300.000	7.800	2.340.000.000	7.800	KQ2500058850_2504281059; 28/04/2025	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn	87/NTBVXP-Green/1059/2025
Tổng số: 01 khoản																**2.340.000.000**				
		Hai tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng																		

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
		12. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIM TINH																		
1	126	**pms-Tenofovir**	Tenofovir Disoproxil Fumarate	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 30 viên	Nhóm 1	24 tháng	754110191523	Pharmascience Inc.	Canada	Viên	25.000	28.000	700.000.000	28.000	Số 367/QĐ-BVĐHYHN ngày 13/03/2025	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Số 93/GEL2-2025/BVĐHYHN-HĐ
Tổng số: 01 khoản																**700.000.000**				
		Bảy trăm triệu đồng																		
		13. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG NGỌC																		
1	63	**Roitintab**	Glucosamin sulfat (dưới dạng glucosamin sulfat natri clorid tương đương glucosamin 588,83mg) + Chondroitin sulfat (dưới dạng natri chondroitin sulfat 274mg)	750mg + 250mg	uống	viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893100225124	Công ty CP dược phẩm công nghệ Cao Abipha	Việt Nam	viên	5.000	8.100	40.500.000	8.100	93/QĐ-NĐTW ngày 22/01/2025	Bệnh viện bệnh nhiệt đới trung ương	08/NTBV/2025/ĐTRR/GEN/93/NĐTW ngày 23/01/2025
Tổng số: 01 khoản																**40.500.000**				
		Bốn mươi triệu, năm trăm ngàn đồng																		
		14. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIÊN ANH																		
1	82	**Flibga 50**	Meclizin hydroclorid (dưới dạng Meclizin hydroclorid monohydrat)	50mg	uống	viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-35268-21	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	viên	25.000	6.980	174.500.000	6.980	647/QĐ-BV ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	224/HĐHTNT-BV108 ngày 19/02/2025
Tổng số: 01 khoản																**174.500.000**				
		Một trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm ngàn đồng																		
		15. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ Y TẾ HOÀNG NGUYÊN																		
1	23	**Opecalcium**	Calci glucoheptonat+ Acid ascorbic(vitamin C) + Nicotinamid(Vitamin PP)	(1100mg + 100mg + 50mg)/10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Nhóm 4	24 tháng	893110850324 (VD-25236-16)	Công ty Cổ Phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Ống	340.000	7.250	2.465.000.000	7.250	QĐ số: 4114/QĐ-BVNTW, Ngày 18/12/2024	Bệnh viện Nhi Trung Ương	HĐ số 163/4114 BVNTW - Dược Generic L3 2024
Tổng số: 01 khoản																**2.465.000.000**				
		Hai tỷ, bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng																		
		16. CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DNT VIỆT NAM																		
1	2	**BOGANAZ**	Acid glycyrrhizic (dưới dạng amoni glycyrrhizat) 25mg + DL-Methionine 25mg + Glycin 25mg	25mg +25mg +25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110736924	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Việt Nam	Viên	12.500	6.800	85.000.000	6.800	Số 1188/QĐ-BVPTƯ ngày 23/07/2025	Bệnh viện Phổi Trung Ương	Số 16/QĐ1188.Gen/BVPTW-DNT VN/NTBV ngày 28/07/2025
2	14	**Canabosen 62.5 mg**	Bosentan (dưới dạng Bosentan monohydrat) 62,5mg	62,5 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	36 tháng	754110127724	Cơ sở sản xuất: Genvion Corporation - Cơ sở đóng gói: PCI Pharma Serices Canada Inc.	Canada	Viên	250	200.000	50.000.000	200.000	Số 5283/QĐ-BM ngày 10/09/2025	Bệnh viện Bạch Mai	Số HD2500146509_2509171527 ngày 17/09/2025

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
3	15	**Canabosen 125mg**	Bosentan (dưới dạng Bosentan monohydrat) 125mg	125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	36 tháng	754110127624	Cơ sở sản xuất: Genvion Corporation - Cơ sở đóng gói: PCI Pharma Serices Canada Inc.	Canada	Viên	250	400.000	100.000.000	400.000	Số 4674/QĐ-BM ngày 15/08/2025	Bệnh viện Bạch Mai	Số HD2500129237_2508211615 ngày 22/08/2025
4	124	**pms-Tadalafil**	Tadalafil 10mg	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 2 viên	Nhóm 1	36 tháng	754110355224	Pharmascience Inc.	Canada	Viên	10.250	85.000	871.250.000	85.000	Số 647/QĐ-BV ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Số 168/HĐHTNT-BV108 ngày 18/02/2025
5	125	**pms-Tadalafil**	Tadalafil 20mg	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 2 viên	Nhóm 1	36 tháng	754110355324	Pharmascience Inc.	Canada	Viên	10.250	148.500	1.522.125.000	160.000	Số 647/QĐ-BV ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Số 168/HĐHTNT-BV108 ngày 18/02/2025
6	129	**Sorugam 200mg**	Tiaprofenic acid	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110374724	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Viên	51.000	7.900	402.900.000	7.900	Số 647/QĐ-BV ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Số 168/HĐHTNT-BV108 ngày 18/02/2025
Tổng số: 06 khoản																**3.031.275.000**				
		Ba tỷ, ba mươi mốt triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng																		
		17. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIẾU ANH																		
1	19	**Mimelin**	Bromelain	20mg (tương đương với 100 F.I.P)	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 1 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893100062023	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Viên	235.000	7.000	1.645.000.000	7.250	QĐ số: 4078/QĐ-BVHN và 4217/QĐ-BVĐKT ngày 02/10/2024	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam	HĐ số: 0310/ĐKHN/HĐKT-HIEUANH ngày 03/10/2024
2	91	**Homapine**	Omega - 3- acid ethyl esters 90	1000 mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 1 lọ x 28 viên	Nhóm 1	36 tháng	594110426323	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm: Swisscaps Romania S.R.L; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng lô: One pharma Industrial Pharmaceutical Company Societe Anonyme	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm: Romania ; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng lô: Hy Lạp	Viên	194.000	26.500	5.141.000.000	26.500	QĐ số: 248/QĐ-BVPTƯ ngày 24/02/2025	Bệnh viện Phổi Trung ương	HĐ số: 48/QĐ248.GEN/BVPTW-Hiếu Anh/NTBV ngày 27/02/2025
Tổng số: 02 khoản																**6.786.000.000**				
		Sáu tỷ, bảy trăm tám mươi sáu triệu đồng																		
		18. CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THĂNG LONG																		

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
1	7	**Zentocor 40mg**	Atorvastatin	40mg	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	520110073523 (VN-20475-17)	Pharmathen International SA	Hy Lạp	Viên	50.000	10.500	525.000.000	10.500	Số: KQ2500034508_2504260829, ngày 26/04/2025	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam	KQ2500034508_2504260829/2025/HĐ/BVĐKTHN-TL, ngày 08/05/2025
Tổng số: 01 khoản																**525.000.000**				
Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng																				
19. CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DH VIỆT NAM																				
1	18	**Brosafe**	Bromelain	100 FIP units	Uống	Viên	Hộp 1 túi 3 vỉ x 10 viên;	N4	36 tháng	893100004123	Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Viên	205.000	7.000	1.435.000.000	7.000	Số: 229/QĐ-TMH, ngày 21/03/	Bệnh viện Tai Mũi Họng TW	Số: 24/HĐ-NT-TMH-G5/2025, ngày 10/04/2025
Tổng số: 01 khoản																**1.435.000.000**				
Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng																				
20. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RIGHMED																				
1	62	**Nuflam**	Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat kali chlorid 667mg) + Chondroitin sulfat (dưới dạng chondroitin sulfat shark 278mg)	500mg + 250mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	930100119824	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty. Ltd.	Australia	Viên	872.500	10.650	9.292.125.000	11.200	QĐ: 248/QĐ-BVPTƯ ngày 24/02/2025	Bệnh viện Phổi Trung ương	86/QĐ248.GEN/BVPTW-Righmed/NTBV ngày 28/02/2025
Tổng số: 01 khoản																**9.292.125.000**				
Chín tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng																				
21. CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ Y TẾ HALIPHAR																				
1	104	**Phlorofon ODT**	Phloroglucinol dihydrate	80mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 2 vỉ x 10 viên Hộp 5 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	893110240223	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	10.000	3.600	36.000.000	3.600	Số 321/QĐ-BVBĐ-KD ngày 12/02/2025	Bệnh viện Bưu điện	Số 26/321/NTBVBĐ-HLP
Tổng số: 01 khoản																**36.000.000**				
Ba mươi sáu triệu đồng																				
22. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDB VIỆT NAM																				
1	128	**Elvud 50**	Teprenone 50mg	50mg	Uống	viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	N4	36 Tháng	893110231123	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Viên	128.000	12.100	1.548.800.000	12.100	Số 647/QĐ-BV ngày 11/2/2025	Bệnh viện Trung ương quân đội 108	289/HĐHTNT-BV108
Tổng số: 01 khoản																**1.548.800.000**				
Một tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm ngàn đồng																				
23. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Y TẾ HÀ NỘI																				
1	10	**Azoran 50**	Azathioprin	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	890115349724	Rpg Life Sciences Limited	India	Viên	10.000	7.000	70.000.000	7.000	4114/QĐ-BVNTW ngày 18/12/2024	Bệnh viện Nhi Trung Ương	99/4114 BVNTW-Dược Generic L3 2024 ngày 20/12/2024
2	43	**Yradan 10mg**	Donepezil hydrochloride	10mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VN-23009-22	KRKA, D.D., . Novo Mesto	Slovenia	Viên	2.500	44.920	112.300.000	44.920	8190/QĐ-BV ngày 03/12/2024	Bệnh viện Trung ương Quân Đội 108	1312/HĐ-BV108 ngày 9/12/2024

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
3	119	**Colicare**	Simethicone USP tương đương với simethicone + Dill Oil BP+ Fennel Oil	40mg + 0,005ml + 0,0007ml	Uống	Nhũ tương uống	Hộp 1 chai x 15ml	Nhóm 5	36 tháng	890110024523 (VN-16328-13)	Meyer Organics Pvt. Ltd.	India	Viên	500	38.000	19.000.000	38.000	4114/QĐ-BVNTW ngày 18/12/2024	Bệnh viện Nhi Trung Ương	99/4114 BVNTW-Dược Generic L3 2024 ngày 20/12/2024
Tổng số: 03 khoản																**201.300.000**				
			Hai trăm lẻ một triệu, ba trăm ngàn đồng																	
			24. CÔNG TY TNHH MATRIX VIỆT NAM																	
1	72	**AMRICIN**	L -Ornithin- L -Aspartat	6g	Uống	Cốm pha hỗn dịch	Hộp 15 Gói x 7g; Hộp 20 Gói x 7g; Hộp 30 Gói x 7g;	Nhóm 4	36 tháng	893110162423	Công ty Cổ phần liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	Việt Nam	gói	22.500	16.200	364.500.000	20.900	QĐTT số: 248/QĐ-QĐBVPTW ngày 24/02/2025	Bệnh viện Phổi Trung Ương	Số 62/QĐ248.GEN / BVPTW-MATRIXVN/NTBV ngày 28/02/2025
Tổng số: 01 khoản																**364.500.000**				
			Ba trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm ngàn đồng																	
			25. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2																	
1	4	**Nexium Mups**	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Hộp 2 vỉ x 7 viên	BDG	24 tháng	VN-19782-16	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	325.000	22.456	7.298.200.000	22.456	Số: KQ2500129594_2506180817, Ngày: 18/06/2025	BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG TW KHOA DƯỢC	18062025/BV-BD-TMH-DLTW2
2	5	**Neupogen**	Filgrastim	30 MU/0,5ml	Tiêm dưới da hoặc truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml	BDG	36 tháng	QLSP-1070-17	Amgen Manufacturing Limited LLC	Mỹ	Bơm tiêm	5.000	558.047	2.790.235.000	558.047	Số: 1956/QĐ-BVĐHYHN (3298/TB-BVĐHYHN;1), Ngày: 06/12/2024	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội- Kho A	1/BDL3-2024/BVĐHYHN-HĐ
3	6	**Duphalac**	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 gói x 15ml	BDG	24 tháng	870100067323	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Gói	55.000	5.600	308.000.000	5.600	Số: KQ2500235273_2506251103, Ngày: 25/06/2025	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	02/TV2025/G2/BVLKTW-DLTW2
4	7	**Xylocaine Jelly**	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat) 2%	2%	Dùng ngoài	Gel	Hộp 10 tuýp x 30 gam	BDG	24 tháng	VN-19788-16	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Tuýp	460	66.720	30.691.200	66.720	Số: KQ2500129594_2506180817, Ngày: 18/06/2025	BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG TW KHOA DƯỢC	18062025/BV-BD-TMH-DLTW2
5	9	**Betaloc Zok 50mg**	Metoprolol succinat	47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 14 viên	BDG	36 tháng	730110022123	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	100.000	5.490	549.000.000	5.490	Số: KQ2500235273_2506251103, Ngày: 25/06/2025	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	02/TV2025/G2/BVLKTW-DLTW2

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
6	10	**Symbicort Turbuhaler**	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Môi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 60 liều	Hít/Dạng hít	Thuốc bột để hít	Hộp 1 ống hít 60 liều	BDG	24 tháng	VN-20379-17	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Ống	2.500	219.000	547.500.000	219.000	Số: KQ2500073876_2506051442, Ngày: 09/06/2025	Bệnh viện E Khoa Dược	BD2-73876ĐTRR2025/BVE-DƯỢC LIỆU TW2
7	11	**Seretide Evohaler DC 25/125mcg**	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Hít qua đường miệng	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Hộp 1 bình 120 liều xịt	BDG	24 tháng	840110784024	Glaxo Wellcome S.A.	Spain	Bình xịt	2.500	210.176	525.440.000	210.176	Số: 200/QĐ-BV, Ngày: 21/02/2025	Bệnh viện Phổi Thái Bình	200/2025/HĐ/BVP-DLTW2
8	13	**Sandostatin Lar 30mg**	Octreotid (dưới dạng octreotid acetat)	30mg	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ thuốc bột + 1 ống tiêm đóng sẵn chứa dung môi pha tiêm, 1 bộ chuyển đổi + 1 mũi tiêm	BDG	36 tháng	VN-20048-16	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharmaceutical Manufacturing GmbH; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Abbott Biologicals B.V.; Cơ sở sản xuất dung môi pha tiêm: Abbott Biologicals B.V.	Cơ sở sản xuất: Áo; đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Hà Lan; sản xuất dung môi pha tiêm: Hà Lan	Lọ	50	33.207.525	1.660.376.250	33.207.525	Số: 1956/QĐ-BVĐHYHN (3298/TB-BVĐHYHN;1), Ngày: 06/12/2024	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội - Kho A	1/BDL3-2024/BVĐHYHN-HĐ
9	19	**Januvia 100mg**	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 100mg	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	BDG	36 tháng	VN-20316-17	Organon Pharma (UK) Limited	Anh	Viên	10.000	17.311	173.110.000	17.311	Số: 1956/QĐ-BVĐHYHN (3298/TB-BVĐHYHN;1), Ngày: 06/12/2024	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội - Kho A	1/BDL3-2024/BVĐHYHN-HĐ
10	20	**Janumet 50mg/500mg**	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin Phosphate monohydrate) , Metformin Hydrochloride	50mg, 500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	BDG	24 tháng	001110999424	Cơ sở sản xuất: Patheon Puerto Rico, Inc; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.	Nước SX: Puerto Rico; Nước đóng gói và xuất xưởng: Hà Lan	Viên	10.000	10.643	106.430.000	10.643	Số: 1956/QĐ-BVĐHYHN (3298/TB-BVĐHYHN;1), Ngày: 06/12/2024	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội - Kho A	1/BDL3-2024/BVĐHYHN-HĐ
11	50	**Recormon**	Epoetin beta	4000IU/0,3 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn thuốc	Nhóm 1	24 tháng	SP-1190-20	Roche Diagnostics GmbH	Đức	Bơm tiêm	500	436.065	218.032.500	436.065	Số QĐ: 2072/QĐ-BVĐHYHN; Ngày: 26/12/2024	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội - Kho A	188/GEL3-2024/BVĐHYHN-HĐ

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
12	67	**Natrixam 1.5mg/5mg**	Indapamide 1,5mg, Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) 5mg	1,5mg; 5mg	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	Hộp 6 vỉ x 5 viên	Nhóm 1	24 tháng	300110029823	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	7.500	4.987	37.402.500	4.987	Số QĐ: KQ2500034995_2506031554; Ngày: 04/06/2025	Trung Tâm Tim Mạch	1108/DL2HN-HĐ
13	68	**Cresemba**	Isavuconazole (dưới dạng Isavuconazonium sulfate)	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	30 tháng	760110441723	CSSX: SwissCo Services AG. Cơ sở đóng gói cấp 1, cấp 2 và xuất xưởng: Almac Pharma Services Limited	CSSX: Thụy Sỹ, Cơ sở đóng gói cấp 1, cấp 2 và xuất xưởng: Anh	Viên	100	1.092.000	109.200.000	1.092.000	Số QĐ: 928/QĐ-BVPTƯ(1524/TB-BVPTƯ;1); Ngày: 11/06/2025	Bệnh viện Phổi Trung Ương	19/QĐ928.Gen/BVPTW-DL2
14	108	**Rivacryst**	Rivaroxaban	15mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	36 tháng	858110959224	Saneca Pharmaceuticals A.S	Slovakia	Viên	2.800	21.800	61.040.000	30.480	Số QĐ: 542/QĐ-SYT; Ngày: 01/08/2025	Sở Y Tế Sơn La - TENDER	HD2500135699_2509031012 (BVDK tỉnh Son La)
15	109	**Rivacryst**	Rivaroxaban	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	36 tháng	858110959324	Saneca Pharmaceuticals A.S	Slovakia	Viên	2.800	21.800	61.040.000	30.480	Số QĐ: 542/QĐ-SYT; Ngày: 01/08/2025	Sở Y Tế Sơn La - TENDER	HD2500135699_2509031012 (BVDK tỉnh Son La)
16	112	**Uperio 200mg**	Sacubitril và Valsartan (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri)	97,2mg và 102,8mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 226,206mg)	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	36 tháng	800110436123	Novartis Farma SpA	Ý	Viên	5.000	20.000	100.000.000	20.000	Số QĐ: KQ2400540590_2503211518; Ngày: 22/03/2025	Bệnh viện Hữu Nghị	45/HĐ-BVHN-DLTW2/2025
Tổng số: 16 khoản																**14.575.697.450**				
Mười bốn tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm năm mươi đồng																				
26. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH																				
1	8	**Ezecept 20/10**	Atorvastatin + Ezetimibe	20mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	24 tháng	893110064223	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	17.500	6.200	108.500.000	6.200	986/QĐ-BVT ngày 13/3/2025	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hợp đồng số 41/986/BVT ngày 17/3/2025
Tổng số: 01 khoản																**108.500.000**				
Một trăm lẻ tám triệu, năm trăm ngàn đồng																				
27. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ST. ANDREWS VIỆT NAM																				
1	1	**Camzitol**	Acid Acetylsalicylic	100mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	VN-22015-19	Medinfar Manufacturing S.A.	Portugal	Viên	35.000	2.870	100.450.000	2.900	928/QĐ-BVPTƯ ngày 11/06/2025 (KQ2500091727_2506131131 ngày 13/06/2025)	Bệnh viện Phổi Trung ương	58/QĐ928.Gen/BVPTW-St.andrews ngày 13/06/2025

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
2	13	**Carboticon**	Bismuth subsalicylat	262,5mg	Uống	Viên nén nhai	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	893110119223	Công ty CPDP Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	60.000	5.900	354.000.000	5.950	647/QĐ-BV ngày 11/02/2025 (KQ2400552906_2503061656 ngày 06/03/2025)	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	269/HĐHTNT-BV108 ngày 21/02/2025
3	56	**Fungocap 200mg capsules, hard**	Fluconazol	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	48 tháng	380110010124 (VN-21828-19)	Balkanpharma - Razgrad AD	Bulgaria	Viên	22.500	34.650	779.625.000	34.650	928/QĐ-BVPTƯ ngày 11/06/2025 (KQ2500091727_2506131131 ngày 13/06/2025)	Bệnh viện Phổi Trung ương	58/QĐ928.Gen/BVPTW-St.andrews ngày 13/06/2025
4	115	**Santafer**	Sắt nguyên tố (dưới dạng sắt III hydroxide Polymaltose Complex)	10mg/ml; 80ml	Uống	Siro	Hộp 1 chai 80ml	Nhóm 2	24 tháng	868100787024 (VN-15773-12)	Santa Farma Ilac Sanayii Anonim Sirketi	Turkey	Chai	35.000	113.000	3.955.000.000	113.000	KQ2500146841_2505221002 ngày 22/05/2022	Bệnh viện Nhi TW	09/KQ2500146841_2505221002/BVNTW - Dược Generic L1 2025 ngày 23/05/2025
5	122	**Momencef 750mg**	Sultamicilin	750mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 7 viên	Nhóm 2	24 tháng	893110127623	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Viên	150.000	26.000	3.900.000.000	26.000	645/QĐ-BVQY103 ngày 21/02/2025	Bệnh viện Quân Y 103	667/HĐMB/645/G1DVYT/022025/BVQY103-ST.ANDREWS ngày 25/02/2025
6	132	**Orfatate Tablet**	Tiropramid hydroclorid	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VN-22681-20	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.	Korea	Viên	200.000	4.000	800.000.000	4.000	645/QĐ-BVQY103 ngày 21/02/2025	Bệnh viện Quân Y 103	667/HĐMB/645/G1DVYT/022025/BVQY103-ST.ANDREWS ngày 25/02/2025
Tổng số: 06 khoản																**9.889.075.000**				
Chín tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, bảy mươi lăm ngàn đồng																				
28. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE																				
1	3	**Halixol**	Ambroxol hydrochloride	30mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	60 tháng	VN-16748-13	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	2.000	1.767	3.534.000	1.767	QĐ số KQ2500144428_2506281745 ngày 28/06/2025	Viện y học Phòng không - Không quân	GE.12-2025-HDNT/VYHPKKQ-BT
Tổng số: 01 khoản																**3.534.000**				
Ba triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn đồng																				
29. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM																				
1	33	**Cefimed 200mg**	Cefixim	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-15536-12	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	Viên	5.000	16.800	84.000.000	16.800	3279/QĐ-BVE ngày 06/08/2025	Bệnh viện E	Số G131-3279ĐTRR2025/BVE-U.N.I ngày 12/08/2025
Tổng số: 01 khoản																**84.000.000**				
Tám mươi bốn triệu đồng																				
30. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BẢO NGÂN																				

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
1	28	**Caldiol soft capsule**	Calcifediol	20mcg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 6 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VN-19630-16	RP Corp., Inc	Hàn Quốc	Viên	1.070.000	9.600	10.272.000.000	9.600	2072/QĐ-BVK ngày 16/09/2025	Bệnh viện K	01-Đ2/G1L3N2025/HĐ-BVK-KD ngày 19/09/2025
2	39	**Ibapovin**	Cholin alfoscerat	600ng	Uống	Viên nang mềm	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110291524	Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Viên	20.000	20.990	419.800.000	20.990	KQ2500036087_2505190948 ngày 20/05/2025	Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thành phố Hồ Chí Minh	115/2025/THUOC/NT1A-BN ngày 12/05/2025
3	57	**Biflufen 100mg**	Flurbiprofen	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 15 viên; Hộp 2 vỉ x 15 viên	Nhóm 2	36 tháng	868110137023	Bilim Ilac San. ve Tic. A.S.	Thổ Nhĩ Kỳ	Viên	404.000	10.000	4.040.000.000	10.500	2072/QĐ-BVK ngày 16/09/2025	Bệnh viện K	01-Đ2/G1L3N2025/HĐ-BVK-KD ngày 19/09/2025
4	127	**Tilcotil**	Tenoxicam	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	300110018125 (VN-18337-14)	Cenexi S.A.S	Pháp	Viên	131.000	6.900	903.900.000	6.900	1641/QĐ-BVTN ngày 30/07/2025	Bệnh viện Thanh Nhàn	76-1/2025/BVTN-TCKT ngày 11/08/2025
5	149	**Aceffex**	Vitamin A (Retinol palmitat) + Vitamin D3 (Cholecalciferol) + Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid) + Vitamin B2 (Riboflavin) + Vitamin PP (Nicotinamid) + Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) + Vitamin B12 (Cyanocobalamin) + Sắt sulfat + Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat + Lysine HCl	300IU + 50IU + 3mg + 3mg + 10mg + 3mg + 5mcg + 16,5mg + 5mg + 5mg + 25mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 12 vỉ x 5 viên, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	30 tháng	893100196124 (VD-17472-12)	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Việt Nam	Viên	770.000	4.500	3.465.000.000	4.500	13/QĐ-BVĐHYD ngày 08/01/2025	Bệnh viện Đại học Y dược	128/BVĐHYD-HĐKT ngày 14/01/2025
Tổng số: 05 khoản																**19.100.700.000**				
Mười chín tỷ, một trăm triệu, bảy trăm ngàn đồng																				
31. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM &THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC LỘC																				
1	54	**Febuxostat 80mg Nippon Chemiphar**	Febuxostat	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	893110257224	Công ty TNHH Nippon Chemiphar Việt Nam	Việt Nam	Viên	290.000	17.600	5.104.000.000	17.600	KQ2500048018_2505160919, 16/5/2025	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	338-2025/BVĐHYD-KD
Tổng số: 01 khoản																**5.104.000.000**				
Năm tỷ, một trăm lẻ bốn triệu đồng																				
32. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1																				

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
1	14	**Cerebrolysin**	Peptide (Cerebrolysin concentrate)	215,2 mg/ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm và truyền	Hộp 5 ống 10ml	BDG	60 tháng	QLSP-845-15 (Gia hạn số: 317/QĐ-QLD ngày 17/06/2022)	- Cơ sở trộn và đóng gói: Ever Pharma Jena GmbH; - Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro Pharma GmbH	- Nước trộn và đóng gói: Đức - Nước xuất xưởng: Áo	ống	1.000	109.725	109.725.000	109.725	767/QĐ-BVPTƯ ngày 12/05/2025	Bệnh viện Phổi Trung Ương	01/QĐ767.BD/BVPTW-CPC1TW ngày 15/05/2025
2	80	**Uro-Vaxom**	Lyophilized Escherichia coli bacterial lysate	6 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	760410251623 (QLSP-H03-1161-19)	OM Pharma SA	Thuỵ Sỹ	viên	10.000	14.998	149.980.000	14.998	QĐ 972/QĐ-BVHN ngày 08/9/2025	Bệnh viện Hữu Nghị	224/HĐ-BVHN-CPC1TW/2025 ngày 11/09/2025
3	94	**Algostase 500 mg/50 mg**	Paracetamol, caffein	Paracetamol 500mg (dưới dạng Paracetamol bound by povidone 520,83mg); Caffeine 50mg	Uống	Viên nén sủi	Hộp 1 tuýp 16 viên nén sủi	Nhóm 1	24 tháng	540100144023	SMB Technology S.A.	Belgium	Viên	262.500	4.500	1.181.250.000	4.500	1926/QĐ-BVTWCT ngày 08/07/2025	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	01-G25L2/HĐ-BV ngày 10/7/2025
Tổng số: 03 khoản																**1.440.955.000**				
Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng																				
33. CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI LIGHTPHARMA																				
1	37	**Clopiaspirin 75/100**	Clopidogrel + Acid acetylsalicylic	75 mg + 100 mg	uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	24 tháng	VD-34727-20	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	30.000	9.492	284.760.000	9.492	Số: 110/QĐ-BVĐK, ngày 20/02/2025	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc	Số: 01/2025/HĐ/BVĐKVP ngày 04/03/2025
Tổng số: 01 khoản																**284.760.000**				
Hai trăm tám mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng																				
34. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA																				
1	35	**Medaxetine 500mg**	Cefuroxime axetil tương đương với Cefuroxime	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	529110348025 (VN-22658-20)	Medochemie Ltd-Factory C	Cyprus	Viên	462.500	17.400	8.047.500.000	17.400	317/QĐ-SYT, ngày 15/07/2025 - 15/07/2027	SYT Thành phố Đà Nẵng	HD2500122430_2508111058
Tổng số: 01 khoản																**8.047.500.000**				
Tám tỷ, bốn mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng																				
35. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN MINH																				
1	116	**Amisea**	Silymarin	167mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893200128900 (VD-32555-19)	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex	Việt Nam	Viên	110.000	6.000	660.000.000	6.000	QĐTT Số 2207/QĐ-BVDLTW, ngày 13/08/2025	Bệnh viện Da Liễu Trung ương	1308/AM/HĐ-BVDLTW.2025
Tổng số: 01 khoản																**660.000.000**				
Sáu trăm sáu mươi triệu đồng																				
36. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI																				
1	59	**Savispirono-Plus**	Spironolacton + Furosemid	50mg + 20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-21895-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	150.000	979	146.850.000	1.080	2847/QĐ-BM ngày 28/05/2025	Bệnh viện Bạch Mai	15 - 2847/ĐTRR.GEN.HTNT.01.2024/BVBM-HĐ
Tổng số: 01 khoản																**146.850.000**				
Một trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng																				
37. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NTB PHARMA NEW																				

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
1	26	**Gadacal**	Mỗi 10ml chứa: Calci glycerophosphat (tương ứng với 40mg calci và 31mg phospho) 210mg + L-Lysin hydroclorid 200mg + Vitamin A (Retinyl palmitat) 1000IU + Vitamin B1 (Thiamin nitrat) 3mg; + Vitamin B2 (Riboflavin) 3mg; + Vitamin B6 (Pyridoxin. HCl) 2mg; + Vitamin C (Acid ascorbic) 12mg; + Vitamin D3 (Cholecalciferol) 100IU; + Vitamin E (dl-alpha-Tocopheryl acetat) 10mg	(210mg + 200mg + 1000IU + 3mg +3mg + 2mg + 12mg + 100IU +10mg)/ 10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 10ml	Nhóm 4	24 tháng	893100068800 (VD-18954-13)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Ống	365.000	10.000	3.650.000.000	10.000	QĐ số: 647/QĐ-BV Ngày QĐ: 11/02/2025	Bệnh viện TW Quân đội 108	250/HĐHTNT-BV108
2	2	**THARODAS**	Cao đặc hỗn hợp bao gồm: Hoàng kỳ + Đương quy + Xích thược + Địa long + Xuyên khung + Đào nhân + Hồng hoa	(1,06g+ 0,53g+ 0,35g+ 0,26g+ 0,26g+ 0,26g+ 0,26g)/3g	Uống	Thuốc cốm	Hộp 30 gói x 3g	Nhóm 3	36 tháng	TCT-00063-22	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát	Việt Nam	Gói	50.000	7.800	390.000.000	7.800	QĐ số: 649/QĐ-BV Ngày QĐ: 11/02/2025	Bệnh viện TW Quân đội 108	353/HĐHTNT-BV108
Tổng số: 02 khoản																**4.040.000.000**				
Bốn tỷ, bốn mươi triệu đồng																				
38. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HQ																				
1	102	**Synapain 100**	Pregabalin	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	VD-35550-22	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	35.000	8.900	311.500.000	8.900	KQ2500129599_2506181544 ngày 19/06/2025	Bệnh viện Y dược cổ truyền và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	196/2025/HĐ-YDCT&CSSKCB ngày 25/06/2025
2	103	**Demencur 50**	Pregabalin	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	36 tháng	893110564724 (VD-33527-19)	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	450.000	5.100	2.295.000.000	5.100	64/QĐ-NĐTW ngày 15/01/2025	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương	01/2024/ĐTRR/GEN/64/NĐTW ngày 17/01/2025
Tổng số: 02 khoản																**2.606.500.000**				
Hai tỷ, sáu trăm lẻ sáu triệu, năm trăm ngàn đồng																				
39. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DƯỢC PHẨM QUANG ANH																				

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
1	100	**Pregabakern 25mg**	Pregabalin	25 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	24 tháng	VN-22830-21	Kern Pharma S.L.	Tây Ban Nha	Viên	105.500	6.500	685.750.000	6.500	QĐ số: 647/QĐ-BV ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	HĐ số 263/HĐHTNT-BV108
Tổng số: 01 khoản																**685.750.000**				
Sáu trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng																				
40. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC																				
1	78	**Vindopar 250**	Benserazid (dưới dạng Benserazid hydroclorid) + Levodopa	50mg + 200mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110747224	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	50.000	3.000	150.000.000	3.000	QĐ số 553/QĐ-BVQY ngày 13/12/2024	Bệnh viện Quân y 105	04/G1/HĐ-BV2024
2	86	**Vincomid**	Metoclopramid hydroclorid	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2ml	Nhóm 4	36 tháng	VD-21919-14 (CV gia hạn số 833/QĐ-QLD ngày 21/12/2022)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	2.000	1.370	2.740.000	1.370	QĐ số KQ2500011850_2504260914 ngày 26/04/2025	Bệnh viện Đa khoa huyện Đan Phượng	588/2025/HĐ/ĐP-VP
3	135	**Vitamin B1**	Thiamin hydroclorid	100mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	Nhóm 4	36 tháng	893110448724 (CV gia hạn số 401/QĐ-QLD ngày 18/06/2024)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	5.000	780	3.900.000	780	QĐ số KQ2400597202_2503111339 ngày 11/03/2025	Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức	43/HĐ-BVTT
Tổng số: 03 khoản																**156.640.000**				
Một trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng																				
41. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEDBOLIDE																				
1	9	**Flepgo 100**	Avanafil	100mg	Uống	Viên	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110170423	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	Viên	10.000	105.168	1.051.680.000	105.168	384/QĐ-BVTT, 12/12/2024	Bệnh viện Tâm Thần Tiền Giang	33/HĐ-BVTTTG-MED, 24/12/2024
2	83	**Flibga 25**	Meclizin	25mg	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-35097-21	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	5.000	3.500	17.500.000	3.500	384/QĐ-BVTT, 12/12/2024	Bệnh viện Tâm Thần Tiền Giang	33/HĐ-BVTTTG-MED, 24/12/2024
3	110	**Ridton**	Rivastigmin	1,5mg	Uống	Viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110248024	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	2.500	18.879	47.197.500	18.879	384/QĐ-BVTT, 12/12/2024	Bệnh viện Tâm Thần Tiền Giang	33/HĐ-BVTTTG-MED, 24/12/2024
4	136	**Lerfozi 50**	Trazodone hydrochloride	50mg	Uống	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 thang	893110873524 (VD3-121-21)	Công ty Cổ phần dược Enlie	Việt Nam	Viên	2.500	9.200	23.000.000	9.200	384/QĐ-BVTT, 12/12/2024	Bệnh viện Tâm Thần Tiền Giang	33/HĐ-BVTTTG-MED, 24/12/2024
Tổng số: 04 khoản																**1.139.377.500**				
Một tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi bảy ngàn, năm trăm đồng																				
42. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LIVIAT																				

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
1	137	**Lerfozi 100**	Trazodone hydrochloride	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110134823	Công ty Cổ phần dược Enlie	Việt Nam	Viên	2.500	15.935	39.837.500	15.939	104/QĐ-BV, 16/3/2025	Bệnh viện Quân Y 121	24/BVQY121-25, 18/3/2025
Tổng số: 01 khoản																**39.837.500**				
Ba mươi chín triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng																				
43. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRÍ DŨNG																				
1	22	**Avanka**	Calci ascorbat + Lysin ascorbat	50 mg/ml (5% kl/tt) + 50 mg/ml (5% kl/tt) x 10 ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 10ml	Nhóm 4	24 tháng	VD-34568-20	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	500	6.200	3.100.000	6.200	KQ2500146841_2505221002 ngày 22/05/2025	Bệnh viện Nhi TW	34/KQ2500146841_2505221002 BVNTW - Dược Generic L1 2025 ngày 23/05/2025
Tổng số: 01 khoản																**3.100.000**				
Ba triệu, một trăm ngàn đồng																				
44. CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM QUANG CƯỜNG																				
1	38	**Bilomag**	Cao khô lá bạch quả đã chuẩn hóa [Ginkgonis extractum siccum raffinatum et quantificatum] (39,6 - 49,5:1)	80 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	590200180500 (visa cũ: VN-19716-16)	Natur Produkt Pharma Sp. Z o.o	Ba Lan	Viên	35.000	6.400	224.000.000	6.800	986/QĐ-BVT ngày 13/03/2025	BV Tim Hà Nội	65/986/BVT
2	113	**Zibifer**	Sắt (dưới dạng Sắt (III) hydroxyd polymaltose complex 34%)	100mg/10ml	Uống	Si rô	Hộp 20 ống x 10ml	Nhóm 4	36 tháng	VD-31146-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Ống	50.000	7.980	399.000.000	8.800	647/QĐ-BV Số ngày 11/02/2025	Bệnh Viện TWQĐ 108	178/HĐHTNT-BV108
Tổng số: 02 khoản																**623.000.000**				
Sáu trăm hai mươi ba triệu đồng																				
45.CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ BẮC NAM																				
1	31	**Stalevo® 100/25/200**	Levodopa 100mg + Carbidopa (dưới dạng Carbidopa monohydrat) 25mg + Entacapon 200mg	100mg + 25mg + 200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 chai chứa 100 viên	Nhóm 1	36 tháng	640110975324	Orion Corporation	Phần Lan	Viên	5.000	26.000	130.000.000	26.000	Số 1203/QĐ-BVLKTW ngày 15/08/2025	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	Số 08/TV2025G1/QĐ1203/BVLKTW-BACNAM ngày 18/08/2025
2	89	**MINAXEN 50**	Minocycline hydrochloride 50mg	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	529110175323	Delorbis Pharmaceuticals Ltd	Cyprus	Viên	265.000	19.600	5.194.000.000	19.600	Số 2102/QĐ-BVVNTĐ Ngày 26/07/2025	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí	Số 42/HĐNT/BVVNTĐ-BN ngày 29/07/2025
Tổng số: 02 khoản																**5.324.000.000**				
Năm tỷ, ba trăm hai mươi bốn triệu đồng																				
46. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THPHARMA																				
1	21	**Calzytab**	Calci (dưới dạng calci carbonat 1500mg)+ Cholecalciferol (tương đương 400IU vitamin D3) 0,01mg	600 mg + 400IU	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893100342300	Công ty Cổ phần Hoá dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	200.000	3.700	740.000.000	4.400	KQ2500048246_2504112246 ngày 14/4/2025	Bệnh viện đa khoa Gia Lâm	4639/HĐ-BVGL
2	101	**Pegaset 50**	Pregabalin	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 2	36 tháng	VN-22871-21	Aurobindo Pharma Limited	India	Viên	235.000	4.400	1.034.000.000	7.400	1541/QĐ-BVNTTW ngày 9/12/2024	Bệnh viện Nội tiết Trung ương	01/BVNTTW-TH

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
3	133	**Tospam**	Tofisopam	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110242924	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	Viên	40.000	5.750	230.000.000	7.700	647/QĐ-BV ngày 11/2/2025	Bệnh viện Trung ương quân đội 108	295/HĐHTNT-BV108
4	140	**Qcozetax**	Coenzym Q10 (ubidecarenon)	50 mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	893100161423	Công ty Cổ phần Hoá dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	55.000	7.900	434.500.000	9.000	647/QĐ-BV ngày 11/2/2025	Bệnh viện Trung ương quân đội 108	295/HĐHTNT-BV108
5	141	**Qcozetax**	Coenzym Q10 (ubidecarenon)	50 mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893100161423	Công ty Cổ phần Hoá dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	65.000	7.900	513.500.000	9.000	647/QĐ-BV ngày 11/2/2025	Bệnh viện Trung ương quân đội 108	295/HĐHTNT-BV108
Tổng số: 05 khoản																**2.952.000.000**				
Hai tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu đồng																				
47. CÔNG TY TNHH EVD DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ																				
1	71	**Kalium Chloratum Biomedica**	Kali clorid	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	Nhóm 1	36 tháng	VN-14110-11	Biomedica Spol. S.r.o	CH Séc	Viên	75.000	1.785	133.875.000	1.785	Quyết định số: 986/QĐ-BVT ngày 13/03/2025	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hợp đồng số: 39/986/BVT ngày 17/3/2025
Tổng số: 01 khoản																**133.875.000**				
Một trăm ba mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng																				
48. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ																				
1	30	**Ginkor fort**	Cao Ginkgo biloba + Troxerutin + Heptaminol hydrochloride	14mg + 300mg + 300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	VN-16802-13	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Viên	12.000	3.570	42.840.000	3.570	KQ2500058850_2504281059 ngày 28/04/2025	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	35/NTBVXP-VH/1059/2025 ngày 29/04/2025
Tổng số: 01 khoản																**42.840.000**				
Bốn mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng																				
49. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED																				
1	12	**Diprospan**	Betamethasone (Betamethasone dipropionate) + Betamethasone (dưới dạng Betamethasone disodium phosphate)	5mg/ml + 2mg/ml	Tiêm	Hỗn dịch để tiêm	Hộp 1 ống 1ml	Nhóm 1	18 tháng	VN-22026-19 (Có QĐ gia hạn số 552/QĐ-QLD ngày 05/08/2024)	Organon Heist bv	Bỉ	Ống	3,750	75.244	282.165.000	75.244	09/QĐ-BVĐHYD ngày 08/01/2025	BV Đại học Y Dược	25/BVĐHYD-HĐKT
2	45	**Dutasteride Teva 0.5mg**	Dutasteride	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	599110007623	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company	Hungary	Viên	5.000	9.680	48.400.000	9.680	711/QĐ-BVNDGĐ ngày 01/04/2025	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	27-2025/GENERIC SYT QD711/SG
3	48	**Glyxambi**	Empagliflozin + Linagliptin	25mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	400110016623	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Viên	5.000	40.554	202.770.000	40.554	326/QĐ-BVTH ngày 07/03/2025	BV Thận Hà Nội	284/25/HĐ-GGMHN
4	49	**Gemapaxane**	Enoxaparin natri	4000IU/0,4 ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	Nhóm 1	24 tháng	800410092123	Italfarmaco S.p.A	Ý	Bơm tiêm	3.000	70.000	210.000.000	70.000	KQ2500045236_2504280958 ngày 08/05/2025	BV Y học Cổ truyền Trung ương	64/YHCTTW-KQ2500045236_2504280958-2025

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
5	84	Methycobal Injection 500 µg	Mecobalamin	0,5mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Nhóm 1	36 tháng	499110027323	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	Nhật	Ống	1.000	36.383	36.383 000	36.383	134/QĐ-BV ngày 21/01/2025	BVĐK tỉnh Hải Dương	109/25/HĐ-GGMHN
Tổng số: 05 khoản																**779.718.000**				
Bảy trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm mười tám ngàn đồng																				
50. CÔNG TY CỔ PHẦN FULINK VIỆT NAM																				
1	114	Ferricure 150mg Capsule	Sắt nguyên tố (dưới dạng Polysaccharid iron complex 326,09mg)	150mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	60 tháng	SĐK gia hạn: 540110403023 (SĐK cũ: VN-19839-16)	Laboratoires Pharmaceutiques TRENKER SA	Bỉ	Viên	120.000	13.020	1.562.400.000	13.020	QĐTT số: KQ2400549567_2503171500 ngày 18/03/2025	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	HĐ số: 32-2025/NT-Ge/PS-Fulink ký ngày 27/03/2025
Tổng số: 01 khoản																**1.562.400.000**				
Một tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm ngàn đồng																				
51. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÚ THỌ																				
1	146	Levivina	Vardenafil (dưới dạng Vardenafil hydrochloride trihydrate)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110154324 (VD-30388-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	6,000	38.800	232.800.000	38.800	Quyết định số 647/QĐ-BV ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Hợp đồng số 261/HĐHTNT-BV108 ngày 19/02/2025
Tổng số: 01 khoản																**232.800.000**				
Hai trăm ba mươi hai triệu, tám trăm ngàn đồng																				
52. CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM																				
1	90	Moxydar	Nhôm oxid hydrat hóa + Magnesi hydroxyd + Nhôm Phosphat hydrat hóa + Gôm Guar	500mg + 500mg + 300mg + 200mg	Uống	Viên nén pha hỗn dịch uống	Hộp 5 vỉ x 6 viên	Nhóm 1	24 tháng	300100008124 (VN-17950-14)	Laboratoires Grimberg	France	Viên	25.000	8.000	200.000.000	8.000	645/QĐ-BVQY103 ngày 21/02/2025	Bệnh viện Quân y 103	713/HĐMB/645/G1DVYT/022025/BVQY103-AMERIVER
2	99	Oprymea Prolonged-release tablet	Pramipexol (dưới dạng Pramipexol dihydrochloride monohydrat 0,75 mg)	0,52 mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-23173-22	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	10.000	24.000	240.000.000	24.000	1102/QĐ-BVĐK ngày 04/06/2025	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn	105/2025/HĐ/ĐKTLS-AME
3	107	Torendo Q - Tab 2mg	Risperidon	2 mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-22952-21	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	2.500	18.000	45.000.000	18.000	645/QĐ-BVQY103 ngày 21/02/2025	Bệnh viện Quân y 103	713/HĐMB/645/G1DVYT/022025/BVQY103-AMERIVER
4	121	Dogmakern 50mg	Sulpiride	50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	36 tháng	840110784324 (VN-22099-19)	Kern Pharma S.L.	Spain	Viên	15.000	3.500	52.500.000	3.500	645/QĐ-BVQY103 ngày 21/02/2025	Bệnh viện Quân y 103	713/HĐMB/645/G1DVYT/022025/BVQY103-AMERIVER
Tổng số: 04 khoản																**537.500.000**				
Năm trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng																				
53. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIÊN AN																				
1	130	Sorugam 300mg	Tiaprofenic acid 300mg	300mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	893110582124	Công ty cổ phần dược và vật tư Y Tế Bình Thuận	Việt Nam	Viên	82.500	9.800	808.500.000	9.800	Số 647/QĐ-Bv, Ngày 11/02/2025	Bệnh viện TWQĐ 108	225/HĐHTNT-BV108
2	5	Circuton	Cao khô Crataegus + Cao khô lá Melissa + Cao khô lá bạch quả + Dầu tỏi	50mg + 10mg + 5mg + 150mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 12 vỉ x 5 viên	ĐYN3	36 tháng	VD-33108-19	Công Ty TNHH PHIL INTER PHARMA	Việt Nam	Viên	175.000	3.800	665.000.000	3.800	Số 649/QĐ-BV, Ngày 11/02/2025	Bệnh viện TWQĐ 108	352/HĐHTNT-BV108
Tổng số: 02 khoản																**1.473.500.000**				

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
Một tỷ, bốn trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng																				
54. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÀ NỘI																				
1	77	**Catefat**	Levocarnitin	1g/10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml; Dung dịch uống	Nhóm 2	36 tháng	880110135724	Cho-A Pharm Co.,Ltd.	Hàn Quốc	Ống	25.000	19.800	495.000.000	20.800	QĐ TT số: 237/QĐ-BVT, ngày 22/01/2025	BV Tim Hà Nội	HĐ số 35/237/NTBV ngày 07/02/2025
Tổng số: 01 khoản																**495.000.000**				
Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng																				
55. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOÀNG GIANG																				
1	1	**Hadugast**	Bạch cập + Bạch thược + Bạch truật + Cam thảo + Nhân sâm + Hoàng liên + Mộc hương + Hương phụ + Ô tặc cốt.	0,5g + 0,5g + 0,5g + 0,1g + 2,0g + 2,0g + 1,0g + 0,5g + 2,0g	Uống	Thuốc bột	Hộp x 20 gói, gói 3g	Nhóm 3	36 tháng	VD-33694-19 (Gia hạn theo TT 55/TT-BYT)	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	Gói	52.500	7.350	385.875.000	7.350	Số 1184/QĐ-BVPTƯ ngày 21/7/2025	Bệnh viện Phổi TW	Số 01/QĐ1184.DL /BVPTW-HG/NTBV
Tổng số: 01 khoản																**385.875.000**				
Ba trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng																				
56. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ NAM ÂU																				
1	40	**Defax**	Deflazacort	6mg	uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-23204-22	Faes Farma, S.A	Tây Ban Nha	Viên	36.500	9.590	350.035.000	11.000	248/QĐ-BVPTƯ ngày 24/02/2025	Bệnh viện Phổi Trung ương	70/QĐ248.GEN /BVPTW-NAM ÂU/NTBV ngày 04/3/2025
2	73	**Scolanzo**	Lansoprazole	15mg	uống	Viên nang bao tan trong ruột	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	24 tháng	840110010025 (VN-21360-18)	Laboratorios Liconsa, S.A	Tây Ban Nha	Viên	522.500	4.980	2.602.050.000	4.980	647/QĐ-BV ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	244/HĐHTNT-BV108 ngày 20/02/2025
3	75	**Convolt 500mg**	Levetiracetam	500mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	840110005025	Laboratorios Cinfa, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	10.000	11.550	115.500.000	11.800	903/QĐ-BVNHN ngày 09/10/2025	Bệnh viện Nhi Hà Nội	11/BVNHN-NAMAU/903/2025 ngày 14/10/2025
4	79	**Klevox 500mg**	Levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat)	500mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	36 tháng	840115124824	Laboratorios Cinfa, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	205.500	10.290	2.114.595.000	10.400	647/QĐ-BV ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	244/HĐHTNT-BV108 ngày 20/02/2025
5	93	**Nolpaza 20mg**	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazole natri sesquihydrate)	20mg	uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	36 tháng	383110026125 (VN-22133-19)	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Viên	250.000	5.720	1.430.000.000	5.720	1558/QĐ-BVNN-KD ngày 23/05/2025	Bệnh viện đa khoa Nông nghiệp	44/1558/2025/ NHATHUOCBV ngày 26/5/2025
Tổng số: 05 khoản																**6.612.180.000**				
Sáu tỷ, sáu trăm mười hai triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng																				
57. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI																				
1	1	**Duoplavin**	Acid acetylsalicylic, Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat)	100 mg; 75 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BDG	18 tháng	300110793024	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	100.000	20.828	2.082.800.000	20.828	648/QĐ-BV ngày 11/02/2025	BV TW Quân đội 108	338/HĐHTNT-BV108 ngày 14 tháng 02 năm 2025

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
2	2	**Phosphalugel**	Aluminium phosphate 20% gel	12,38g/gói 20g	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 26 gói x 20g	BDG	36 tháng	300100006024	Pharmatis	Pháp	Gói	36.500	4.014	146.511.000	4.014	648/QĐ-BV ngày 11/02/2025	BV TW Quân đội 108	338/HĐHTNT-BV108 ngày 14 tháng 02 năm 2025
3	15	**Fycompa 2mg**	Perampanel	2mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	BDG	48 tháng	500110086723	Eisai Manufacturing Limited	Anh	Viên	5.000	18.750	93.750.000	18.750	648/QĐ-BV ngày 11/02/2025	BV TW Quân đội 108	338/HĐHTNT-BV108 ngày 14 tháng 02 năm 2025
4	16	**Fycompa 4mg**	Perampanel	4mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	BDG	48 tháng	500110086823	Eisai Manufacturing Limited	Anh	Viên	5.000	30.000	150.000.000	30.000	648/QĐ-BV ngày 11/02/2025	BV TW Quân đội 108	338/HĐHTNT-BV108 ngày 14 tháng 02 năm 2025
5	17	**Fycompa 8mg**	Perampanel	8mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	BDG	48 tháng	500110035123	Eisai Manufacturing Limited	Anh	Viên	2.500	52.500	131.250.000	52.500	648/QĐ-BV ngày 11/02/2025	BV TW Quân đội 108	338/HĐHTNT-BV108 ngày 14 tháng 02 năm 2025
6	11	**Enterogermina**	Bào tử Bacillus clausii kháng đa kháng sinh	4 tỷ/5 ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 02 vỉ x 10 ống x 5ml	Nhóm 1	24 tháng	800400108124	Opella Healthcare Italy S.R.L	Ý	Ống	25.000	12.879	321.975.000	12.879	8190/QĐ-BV ngày 03/12/2024	BV TW Quân đội 108	1418/HĐ-BV108 ngày 09 tháng 12 năm 2024
7	16	**PULMIFLO TABLETS 125MG**	Bosentan (dưới dạng Bosentan monohydrat)	125 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 15 viên	Nhóm 2	36 tháng	890110793224 (VN-21969-19)	Sun Pharmaceutical Industries Limited	India	Viên	5.000	55.800	279.000.000	55.800	986/QĐ-BVT ngày 13/3/2025	Bệnh viện Tim Hà Nội	45/986/BVT ngày 17/03/2025
8	17	**PULMIFLO TABLETS 62.5MG**	Bosentan (dưới dạng Bosentan monohydrat)	62,5 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 15 viên	Nhóm 2	36 tháng	890110793324 (VN-21999-19)	Sun Pharmaceutical Industries Limited	India	Viên	5.000	28.000	140.000.000	28.000	KQ2500058850_2504281059 ngày 28/4/2025	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn	27/BVXP-HPC/1059/2025 ngày 05/05/2025
Tổng số: 08 khoản																**3.345.286.000**				
Ba tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi sáu ngàn đồng																				
58. CÔNG TY TNHH KENKO PHARMA																				
1	85	**Comesal 500**	Mesalazin	500mg	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893110095352	Công ty TNHH Mekophar	Việt Nam	Viên	2.000	7.880	15.760.000	7.900	1807/QĐ-BVND115, ngày 15/07/2025	Bệnh viện nhân dân 115	49/HĐGE2-ĐTRR2025
Tổng số: 01 khoản																**15.760.000**				
Mười lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng																				
59. CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN VỸ AN																				
1	5	**Nunley-5**	Apixaban	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	893110054423	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	57.500	7.920	455.400.000	11.900	Số 115/QĐ-BVC; Ngày 07/7/2025	Bệnh viện C	Số HD2500111973_2507151705
2	25	**Ptrovit**	Mỗi 10ml chứa: Calci gluconat (dưới dạng calci gluconat monohydrat) + Calci lactat pentahydrat	500mg + 350mg	Uống	Dung dịch uống	Hộp 4 vỉ x 5 ống x 10ml	Nhóm 4	36 tháng	893100003323	Công ty DP và Thương mại Phương Đông-(TNHH)	Việt Nam	Ống	315.000	9.550	3.008.250.000	9.750	Số 237/QĐ-BVT; Ngày 22/01/2025	BV Tim HN	Số 82/237/NTBV
3	53	**Vasitimb 10mg/40mg Tablets**	Ezetimibe + Simvastatin	10mg; 40mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	383110962824	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	25.000	18.500	462.500.000	18.500	Số 504/QĐ-BV; Ngày 12/5/2025	BV Quân Y 4	Số 09/HĐ/QY4-TVA
4	65	**Eurbone 50**	Ibandronic acid (dưới dạng Ibandronat natri monohydrat)	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110457623	Nhà máy HDPharma EU - Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	Viên	105.000	51.700	5.428.500.000	51.700	Số 79/QĐ-NĐTW; Ngày 17/01/2025	BV Bệnh Nhiệt đới TW	Số 71/NTBV/2025/ĐTRR/GEN/79/NĐTW

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
5	118	**Totchogans**	Cao khô milk thistle (Silybum marianum extractum siccum tương ứng với silymarin + Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) + Vitamin B2 (Riboflavin) + Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) + Vitamin B5 (Calci pantothenat) + Vitamin PP (nicotinamid) + Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	70mg + 4mg + 4mg + 4mg + 8mg +12mg + 1,2mcg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	VD-35755-22	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	150.000	6.500	975.000.000	6.500	Số 237/QĐ-BVT; Ngày 22/01/2025	BV Tim HN	Số 82/237/NTBV
6	131	**Zemfuva**	Tiemonium methylsulfat	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110448223	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	Viên	287.000	5.400	1.549.800.000	5.400	Số 79/QĐ-NĐTW; Ngày 17/01/2025	BV Bệnh Nhiệt đới TW	Số 71/NTBV/2025/ĐTRR/GEN/79/NĐTW
7	144	**Ursoflor**	Ursodeoxycholic Acid	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	800110967024 (Số ĐK cũ: VN-20260-17)	Special Product's Line S.P.A	Ý	Viên	23.000	15.880	365.240.000	15.940	Số 248/QĐ-BVPTU; Ngày 24/02/2025	BV Phổi TW	Số 97/QĐ248.GEN/BVPTW-TVA/NTBV
8	3	**Kim tiền thảo HM**	Mỗi gói 2g chứa: Cao đặc kim tiền thảo 10:1 (tương đương với 6g kim tiền thảo)	600mg	Uống	Thuốc cốm	Hộp 21g x 2g	Nhóm 1	36 tháng	893210130200 (Số ĐK cũ: VD-27237-17)	Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Gói	50.000	4.800	240.000.000	4.800	Số KQ2500073427_2506111049; Ngày 12/06/2025	Bệnh viện E	Số ĐY13-73427ĐTRR2025/BVE-TÂN VỸ AN
Tổng số: 08 khoản																**12.484.690.000**				
Mười hai tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi ngàn đồng																				
60. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LAVICO																				
1	4	**Trimoxtal 875/125**	Amoxicilin (dưới dạng Amoxcilin trihydrat) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110845424 (VD-32615-19)	Công ty Cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	Viên	209.000	11.800	2.466.200.000	13.000	645/QĐ-BVQY103 ngày 21/02/2025	Bệnh viện Quân y 103	785/HĐMB/645/G1DVYT/022025/BVQY103-LVC
2	74	**Lysoelf**	L-Arginine HCl + Thiamine HCl + Pyridoxine HCl	250mg + 100mg + 20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	24 tháng	893100459723	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	105.000	5.000	525.000.000	5.380	48/QĐ-BVDL ngày 16/01/2025	Bệnh viện Da liễu Hà Nội	20/2025/HĐKT/BVDLHN-LVC
Tổng số: 02 khoản																**2.991.200.000**				
Hai tỷ, chín trăm chín mươi mốt triệu, hai trăm ngàn đồng																				
61. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC																				
1	3	**Cordarone**	Amiodarone hydrochloride	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	BDG	24 tháng	VN-16722-13	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	25.000	6.750	168.750.000	6.750	2313/QĐ-BVCR ngày 26/04/2025	Bệnh viện Chợ Rẫy	005/2025/HDD9_CR ngày 28/04/2025

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
2	12	**Depakine Chrono**	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Hộp 1 lọ 30 viên	BDG	36 tháng	VN-16477-13	SANOFI WINTHROP INDUSTRIE	Pháp	Viên	34.000	6.972	237.048.000	6.972	2313/QĐ-BVCR ngày 26/04/2025	Bệnh viện Chợ Rẫy	005/2025/HDD 9_CR ngày 28/04/2025
3	18	**Seroquel XR**	Quetiapin (dưới dạng Quetiapin fumarat)	50mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BDG	36 tháng	VN-22285-19	Cơ sở sản xuất: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Limited.	Nước sản xuất: Hoa Kỳ; Nước đóng gói : Anh	Viên	5.000	10.472	52.360.000	10.472	648/QĐ-BV ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung Ương Quân Đội 108	337/HĐHTNT-BV108 ngày 17/02/2025
4	55	**Plendil Plus**	Felodipine, Metoprolol succinat	Felodipine 5mg; Metoprolol succinat 47,5mg (tương đương với Metoprolol tartrate 50mg hoặc metoprolol 39mg)	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 chai x 30 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-20224-17	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	5.000	7.396	36.980.000	7.396	647/QĐ-BV, ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	210/HĐHTNT-BV108
5	66	**Uritos Tablets 0.1mg**	Imidafenacin	0,1mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	499110175823	Cơ sở sản xuất: Kyorin Pharmaceutical Group Facilities Co., Ltd., Noshiro Plant; Cơ sở đóng gói: Interthai Pharmaceutical Manufacturing Ltd.	Nước sản xuất: Nhật Bản; Nước đóng gói: Thái Lan	Viên	9.100	10.324	93.948.400	10.324	647/QĐ-BV, ngày 11/02/2025	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	210/HĐHTNT-BV108
6	97	**Pitator Tablets 4mg**	Pitavastatin (dưới dạng Pitavastatin calcium)	4mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ nhôm/ PVC/PVDC x 7 viên	Nhóm 2	36 tháng	VN-22667-20	Orient Pharma Co., Ltd	Đài Loan	Viên	15.000	18.500	277.500.000	18.500	11/QĐ-BVNTTW ngày 07/01/2025	Bệnh viện Nội tiết Trung ương	1301/GE11/2025/BVNTTW-HĐ
7	98	**Pitator Tablets 2mg**	Pitavastatin calcium	2mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Nhóm 3	36 tháng	471110172300 (VN-20588-17)	Orient Pharma Co., Ltd	Đài Loan	Viên	35.000	11.980	419.300.000	11.980	11/QĐ-BVNTTW ngày 07/01/2025	Bệnh viện Nội tiết Trung ương	1301/GE11/2025/BVNTTW-HĐ

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
8	134	**Dorithricin**	Tyrothricin + Benzalkonium clorid + Benzocain	0,5mg +1mg +1,5mg	Ngậm họng	Viên ngậm họng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	400100014224 (VN-20293-17)	Medice Arzneimittel Putter GmbH & Co.KG	Đức	Viên	10.000	2.880	28.800.000	2.880	KQ2500058850_2504281059	BVĐK Xanh Pôn	75/BVXP-HĐ/1059/2025
Tổng số: 08 khoản																**1.314.686.400**				
Một tỷ, ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng																				
62. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD																				
1	76	**Torleva 250**	Levetiracetam	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	890110003500 (VN-20108-16)	Torrent Pharmaceuticals Limited	Ấn Độ	Viên	57.500	4.725	271.687.500	4.725	KQ2400575419_2503080909 ngày 08/03/2025	Sở Y tế Vĩnh Long	01/BVTT-HD
Tổng số: 01 khoản																**271.687.500**				
Hai trăm bảy mươi mốt triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng																				
Tổng cộng: 150 khoản																**163.101.688.850**				

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

GIÁM ĐỐC

Dương Đức Hùng